

Số/No.: 2505845-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505412/KG
Mã số mẫu/ : 25051657
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Long Trị A
- Ấp 7, xã: Long Trị A, thị xã: Long Mỹ

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỂ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No. : 2505845-1/KQ
Trang/ Page: 2/2



Mã số/ Code : 2505412/KG
Mã số mẫu/ : 25051657
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,53	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,25	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province

Số/No.: 2505844-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505410/KG
Mã số mẫu/ : 25051655
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân – Nguyễn Văn Lùng
- Nhà máy nước Long Mỹ
- Ấp: ấp 3 , xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, huyện: Long Mỹ
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)



Số No: 2505844-3/KQ
Trang/Page: 2/2

Mã số/ Code : 2505410/KG
Mã số mẫu/ : 25051655
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,35	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	0,56	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,11	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province

Số/No.: 2505844-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505410/KG
Mã số mẫu/ : 25051654
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Nhà máy nước Long Mỹ
- Ấp: ấp 3 , xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, huyện: Long Mỹ

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No. 2505844-2/KQ
Trang/Page: 2/2



Mã số/ Code : 2505410/KG
Mã số mẫu/ : 25051654
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,50	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 ⁽ⁱ⁾	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,06	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*) : Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*) : Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province

Số/No.: 2505844-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505410/KG
Mã số mẫu/ : 25051653
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Nhà máy nước Long Mỹ
- Ấp: ấp 3 , xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, huyện: Long Mỹ

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)



Mã số/ Code : 2505410/KG
Mã số mẫu/ : 25051653
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,60	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,11	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.
- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province

Số/No.: 2505843-3/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505408/KG
Mã số mẫu/ : 25051651
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

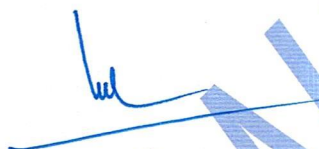
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân –Phạm Thị Hạnh
- Trạm Hòa Tiến
- Ấp: Thạnh An, xã: Hòa Tiến, Thành phố Vị Thanh

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager



ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No.: 2505843-3/KQ

Trang/Page: 2/2

Mã số/ Code : 2505408/KG

Mã số mẫu/ : 25051651

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,64	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	<0,5 (i)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,14	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Số/No.: 2505843-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505408/KG
Mã số mẫu/ : 25051650
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước cuối nguồn
- Trạm Hòa Tiến
- Ấp: Thạnh An, xã: Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh
Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)



Số/Vo.: 2505843-2/KG
Trang/ Page: 2/2

Mã số/ Code : 2505408/KG
Mã số mẫu/ : 25051650
Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,71	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	KPH (LOD=0,15)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,08	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhân xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province

Số/No.: 2505843-1/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2505408/KG
Mã số mẫu/ : 25051649
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Địa chỉ/ Address : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/05/2025 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 20/05/2025

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 08/05/2025 – 19/05/2025

Tên mẫu/ Name of sample : Nước tại bể chứa
- Trạm Hòa Tiến
- Ấp: Thạnh An, xã: Hòa Tiến, thành phố: Vị Thanh

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu nước sạch đựng trong can nhựa kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THẾ KỶ MỚI (NEWCENLAB)

Số/No. 2505843-1/KQ

Trang/Page: 2/2

Mã số/ Code : 2505408/KG

Mã số mẫu/ : 25051649

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,89	0,2 - 1,0
4	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	KPH (LOD=0,15)	2
5	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
6	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,12	6,0 - 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province

Số/No: 2505834-3/KQ

Trang/Page: 2/2

Mã số/ Code : 2505329/KG

Mã số mẫu/ : 25051390

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT	QCĐP 01:2025/HGg
1	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<3
2	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (*)	<1	<1
3	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 (*) SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
4	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023 (*)	0,32	0,2 - 1,0
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2023 (*)	KPH (LOD=0,15)	2
6	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C:2023 (*)	KPH (LOD=3,0)	15
7	Mùi, vị	-	Ref. TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	7,06	6,0 – 8,5

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.

- QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province.

Nhận xét: Kết quả có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2025/HGg - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang/ The results have test indicators meeting QCĐP 01:2025/HGg - Local technical regulation on Domestic Water Quality In Hau Giang Province